

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST.

Ngày 21 - 5 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/HS-ST ngày 01/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐ-ST ngày 26/4/2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Đỗ Thị Bé H, sinh năm: 1960; tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn Th, sinh năm: 1937 và bà: Lê Thị T (chết); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/5/2018 đến ngày 14/6/2018; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Thị Bé H:* ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1961 (chồng của bị cáo) – trú tại: ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Bé H:* Ông Thái Quang Tr, Luật sư - Văn phòng Luật sư Ch, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Huỳnh Thị Th, sinh năm: 1965;

2. Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm: 1971;

3. Nguyễn Thị S, sinh năm: 1950;
 4. Lê Thị Thúy L, sinh năm: 1975;
 5. Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1956;
 6. Trần Thị Mai D, sinh năm: 1978;
 7. Đinh Thị Th, sinh năm: 1975;
 8. Huỳnh Tấn Ngh, sinh năm: 1993;
 9. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958;
 10. Nguyễn Thị B, sinh năm: 1958;
 11. Nguyễn Thị Bích Ph, sinh năm: 1972;
 12. Lương Văn M, sinh năm: 1964;
 13. Nguyễn Nhật T, sinh năm: 1990;
 14. Phạm Thị D, sinh năm: 1964;
 15. Lê Thị H, sinh năm: 1965;
 16. Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm: 1983;
 17. Lê Thị Thúy K, sinh năm: 1988;
 18. Võ Thị M, sinh năm: 1955;
 19. Đỗ Thị Cẩm E, sinh năm: 1956;
 20. Trần Minh Đ, sinh năm: 1976;
 21. Nguyễn Thị D, sinh năm: 1957;
 22. Lương Thị H, sinh năm: 1956;
- Cùng địa chỉ: Ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
23. Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm: 1958;
 24. Phan Thị L, sinh năm: 1978.
- Cùng trú tại: Ấp Th, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị Kim L (tự 9 Q), sinh năm: 1961 (có mặt);
 2. Phan Hoài Vĩnh X, sinh năm: 1975 (có mặt);
 3. Võ Thị Cẩm L, sinh năm: 1962 (có mặt);
- Cùng trú tại: Ấp Th, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
4. Nguyễn Thị M, sinh năm: 1947 (có mặt);
- Trú tại: Ấp B, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
5. Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt);
- Trú tại: Ấp Tr, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
6. Lê Thị Ph, sinh năm: 1979 (có mặt);
 7. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972 (có mặt);
 8. Nguyễn Văn B, sinh năm: 1961 (có mặt);
- Cùng trú tại: Ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người làm chứng:**

- Ông Lê Nguyễn Hồng D, sinh năm: 1966 (có mặt);
Địa chỉ: Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đỗ Thị Bé H sinh sống thu nhập chủ yếu từ nghề làm ruộng; để có tiền tăng thêm thu nhập sinh hoạt trong gia đình, khoảng năm 2008 bị cáo tổ chức chơi và làm chủ nhiều dây hội để hưởng tiền hoa hồng; mức hưởng hoa hồng là 50% trên số tiền của từng dây hội đã mở (như dây hội 2.000.000đ/phần, thì bị cáo hưởng 1.000.000đ/phần khi hốt hội). Bị cáo mở ra các dây hội và mời gọi hội viên tham gia, ghi danh sách hội giao cho hội viên, gom tiền đóng hội của hội viên rồi giao cho người hốt hội và hưởng tiền hoa hồng như đã nêu. Thời gian đầu bị cáo thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội và hưởng hoa hồng theo thỏa thuận, nhưng do sinh hoạt trong gia đình không có kế hoạch dẫn đến mất khả năng giao hội cho các hội viên; do đó, để che giấu việc mất khả năng giao hội, bị cáo đã mở thêm nhiều dây hội tháng, kêu gọi hội viên tham gia rồi tự ý lấy tên hội viên có thật tại các dây hội, để hốt hội chiếm đoạt tiền của các hội viên, mà không có sự đồng ý của hội viên do bị cáo đứng tên hốt hội. Bị cáo biết rõ những kỳ khai hội có rất ít hội viên đến tham gia bỏ hội hoặc chỉ điện thoại hay gửi thăm bỏ hội (mức tiền bỏ hội); biết được số hội viên này chưa cần hốt hội mà họ muốn nuôi hội chờ hốt chót để kiếm lời, nên bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng và việc sơ hở này tự ý lấy tên những hội viên này rồi bỏ hội mức cao hơn hội viên khác, để được hốt hội rồi chiếm đoạt tiền của họ, đến tháng 01/2018 thì bị cáo tuyên bố vỡ hội.

Thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 01/2018 bị cáo Đỗ Thị Bé H mở và làm chủ 07 dây hội tháng cụ thể như sau:

- Dây thứ 1: Loại hội 2.000.000đ/phần, mở ngày 17/3/2016 (nhằm ngày 09/02/2016 AL) có 22 người tham gia với 26 phần hội; khai hội được 23 lần thì vỡ hội; bị cáo lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt tiền 11 lần.

- Dây thứ 2: Loại hội 3.000.000đ/phần, mở ngày 18/7/2016 (nhằm ngày 15/6/2016 AL) có 27 người tham gia với 30 phần hội; khai hội được 19 lần thì vỡ hội; bị cáo lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt tiền 04 lần.

- Dây thứ 3: Loại hội 3.000.000đ/phần, mở ngày 27/5/2017 (nhằm ngày 02/5/2017 AL) có 24 người tham gia với 25 phần hội; khai hội được 08 lần thì vỡ hội, dây hội này bị cáo không chiếm đoạt.

- Dây thứ 4: Loại hội 2.000.000đ/phần, mở ngày 19/7/2017 (nhằm ngày 26/6/2017 AL) có 22 người tham gia với 26 phần hội; khai hội được 06 lần thì vỡ hội; bị cáo lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt tiền 03 lần.

- Dây thứ 5: Loại hụi 2.000.000đ/phần, mở ngày 26/10/2017 (nhằm ngày 07/9/2017 AL) có 22 người tham gia với 28 phần hụi; khui hụi được 08 lần thì vỡ hụi, dây hụi này bị cáo không chiếm đoạt.

- Dây thứ 6: Hụi tháng, loại hụi 2.000.000đ/phần, mở ngày 17/5/2017 (nhằm ngày 22/4/2017 AL) có 24 người tham gia với 30 phần hụi; khui hụi được 03 lần thì vỡ hụi; bị cáo lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt tiền 02 lần.

- Dây thứ 7: Loại hụi 2.000.000đ/phần, mở ngày 30/3/2016 (nhằm ngày 22/02/2016 AL) có 25 người tham gia với 27 phần hụi; khui hụi được 22 lần thì vỡ hụi; bị cáo lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt tiền 06 lần.

Quá trình điều tra và đối chiếu tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, bị cáo Bé H thừa nhận đối với dây hụi 2.000.000đ/phần, thì mỗi lần khui hụi thì bị cáo bỏ hụi mức 600.000đ/phần; đối với hụi 3.000.000đ/phần, thì bỏ 900.000đ/phần và bị cáo đã lấy tên hụi viên (có tên thật trong dây hụi) mà không được sự đồng ý của họ rồi dùng thủ đoạn gian dối, bỏ hụi để hốt hụi chiếm đoạt tiền tại 05 dây hụi gồm: Dây hụi thứ 01, 02, 04, 06, 07 (gọi tắt là dây hụi số 1, 2, 4, 6, 7) chiếm đoạt của 24 hụi viên với tổng số tiền **379.400.000đ** (Ba trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) cụ thể đối với 24 người bị hại có tên sau:

1. Huỳnh Thị Th (tên trong sổ hụi Th); tham gia tại dây hụi thứ 01, 02, 03, 04, 05 bị cáo đã chiếm đoạt như sau:

Dây hụi thứ 01: Mở ngày 17/3/2016 (nhằm ngày 09/02/2016 AL) loại hụi 2.000.000đ/phần, Th tham gia 02 phần (chưa hốt) đã đóng được 23 lần với số tiền 64.400.000đ; bị cáo lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt tiền 11 lần x 1.400.000đ/lần x 2 phần = 30.800.000đ; còn nợ dân sự số tiền mà Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khui hụi là 33.600.000đ.

Dây hụi thứ 02: Mở ngày 18/7/2016 (nhằm ngày 15/6/2016 AL) loại hụi 3.000.000đ/phần, Th tham gia 01 phần (chưa hốt) đã đóng được 19 lần với số tiền 39.900.000đ; bị cáo lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt tiền 04 lần x 2.100.000đ = 8.400.000đ; còn nợ dân sự số tiền mà Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khui hụi là 31.500.000đ.

Dây hụi thứ 03: Mở ngày 27/5/2017 (nhằm ngày 02/5/2017 AL) loại hụi 3.000.000đ/phần, Th tham gia 01 phần (chưa hốt) đã đóng được 08 lần với số tiền 16.800.000đ; dây hụi này bị cáo không có chiếm đoạt chỉ nợ tiền dân sự số tiền mà Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khui hụi là 16.800.000đ.

Dây hụi thứ 04: Mở ngày 19/7/2017 (nhằm ngày 26/6/2017 AL) loại hụi 2.000.000đ/phần, Th tham gia 02 phần (chưa hốt) đã đóng được 06 lần với số tiền 16.800.000đ; bị cáo lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian

dối để hốt hụi chiếm đoạt tiền 03 lần x 1.400.000đ/lần x 2 phần = 8.400.000đ; còn nợ dân sự số tiền mà Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 8.400.000đ.

Dây hụi thứ 05: Mở ngày 26/10/2017 (nhằm ngày 07/9/2017 AL) loại hụi 2.000.000đ/phần, Th tham gia 02 phần (chưa hốt) đã đóng được 03 lần với số tiền 8.400.000đ; dây hụi này bị cáo không có chiếm đoạt, chỉ nợ dân sự số tiền mà Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 8.400.000đ.

Như vậy, chị Huỳnh Thị Th tham gia 05 dây hụi, đã đóng hụi tổng số tiền 146.300.000đ; trong đó, bị cáo đã lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt tiền tại 03 dây hụi thứ 01, 02, 04 số tiền là **47.600.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 98.700.000đ.

Bằng thủ đoạn tương tự và gian dối như trường hợp của chị Huỳnh Thị Th; 23 người bị hại còn lại đều trình bày, bị cáo Bé H đều dùng thủ đoạn tương tự và gian dối như trên, để hốt hụi chiếm đoạt tiền của các hụi viên (23 người bị hại) cụ thể sau:

2. Nguyễn Thị Ngọc Ph (tên trong sổ hụi Ch, Nh); tham gia tại dây hụi thứ 01, 05, 06 đã đóng hụi tổng cộng số tiền 99.400.000đ; trong đó, bị cáo đã lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền **36.400.000đ**, tại 02 dây hụi (dây thứ 01 là 30.800.000đ; dây thứ 06 là 5.600.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị Ph đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 63.000.000đ.

3. Nguyễn Thị S (tên trong sổ hụi 3 Ch); tham gia 01 phần tại dây hụi thứ 01, đã đóng được 23 lần với số tiền 32.200.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền 11 lần x 1.400.000đ/lần = **15.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị S đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 16.800.000 đ.

4. Lê Thị Thúy L; tham gia tại dây hụi thứ 01, 02, 03, 04 đã đóng tổng cộng số tiền 97.300.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền **28.000.000đ**, tại 03 dây hụi (dây thứ 01 là 15.400.000đ; dây thứ 02 là 8.400.000đ; dây thứ 04 là 4.200.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị L đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 69.300.000đ.

5. Nguyễn Thị Kh; tham gia tại dây hụi thứ 01, 07 đã đóng tổng cộng số tiền là 63.000.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền **23.800.000đ**, tại 02 dây hụi

(dây thứ 01 là 15.400.000đ; dây thứ 07 là 8.400.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị Kh đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 39.200.000đ.

6. Trần Thị Mai D (tên sổ hội Út D); tham gia tại dây hội thứ 01, 04, 07 đã đóng tổng cộng số tiền là 103.600.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền **43.400.000đ**, tại 03 dây hội (dây thứ 01 là 30.800.000đ; dây thứ 04 là 4.200.000đ; dây thứ 07 là 8.400.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị Mai D đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 60.200.000đ.

7. Đinh Thị Th (tên sổ hội Mới); tham gia tại dây hội thứ 03, 05, 06 (2 phần) đã đóng tổng cộng số tiền là 43.400.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 06, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 02 lần x 1.400.000đ/lần x 2 phần = **5.600.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 37.800.000đ.

8. Huỳnh Tấn Ngh; tham gia tại dây hội thứ 01, 06 đã đóng tổng cộng số tiền là 54.600.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền **21.000.000đ**, tại 02 dây hội (dây thứ 01 là 15.400.000đ; dây thứ 06 là 5.600.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà anh Ngh đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 33.600.000đ.

9. Nguyễn Thị L; tham gia tại dây hội thứ 02, 03 đã đóng tổng cộng số tiền là 56.700.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 02, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 04 lần x 2.100.000đ/lần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị L đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 48.300.000đ.

10. Nguyễn Thị B (tên sổ hội X); tham gia 01 phần tại dây hội thứ 07 đã đóng 22 lần với số tiền là 30.800.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 07, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 06 lần x 1.400.000đ/lần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị B đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 22.400.000đ.

11. Nguyễn Thị Bích Ph; tham gia tại dây hội thứ 04, 07 đã đóng tổng cộng số tiền là 39.200.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền **12.600.000đ**, tại 02 dây hội (dây thứ 04 là 4.200.000đ; dây thứ 07 là 8.400.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị Bích Ph đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 26.600.000đ.

12. Lương Văn M (tên sổ hội L); tham gia 01 phần tại dây hội thứ 07, đã đóng 22 lần với số tiền là 30.800.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 07, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 06 lần x

1.400.000đ/lần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà anh M đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 22.400.000đ.

13. Nguyễn Nhật T; tham gia tại dây hội thứ 04, 07 đã đóng tổng cộng số tiền là 39.200.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền **12.600.000đ**, tại 02 dây hội (dây thứ 04 là 4.200.000đ; dây thứ 07 là 8.400.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà anh T đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 26.600.000đ.

14. Phạm Thị D (tên sở hội Nh); tham gia 01 phần tại dây hội thứ 07, đã đóng 22 lần với số tiền là 30.800.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 07, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 06 lần x 1.400.000đ/lần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị D đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 22.400.000đ.

15. Lê Thị H; tham gia tại dây hội thứ 03, 04 đã đóng tổng cộng số tiền là 25.200.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 04, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 03 lần x 1.400.000đ/lần = **4.200.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị H đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 21.000.000đ.

16. Nguyễn Thị Hồng Nh; tham gia tại dây hội thứ 02, 03, 04, 05 đã đóng tổng cộng số tiền là 77.700.000đ; trong đó, bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền **16.800.000đ**, tại 02 dây hội (dây thứ 02 là 8.400.000đ; dây thứ 04 là 8.400.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị Nh đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 60.900.000đ.

17. Lê Thị Thúy K; tham gia 02 phần tại dây hội thứ 04, đã đóng hội 06 lần với số tiền là 16.800.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 04, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 03 lần x 1.400.000đ/lần x 2 phần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị K đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 8.400.000đ.

18. Võ Thị M; tham gia 01 dây hội số 04, đã đóng hội 04 lần với số tiền là 8.400.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 04, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 03 lần x 1.400.000đ/lần = **4.200.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị M đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 4.200.000đ.

19. Đỗ Thị Cẩm E; tham gia 02 phần tại dây hội thứ 06, đã đóng hội 08 lần với số tiền là 22.400.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hội viên có thật trong dây hội thứ 06, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hội chiếm đoạt số tiền 02 lần x 1.400.000đ/lần x 2 phần = **5.600.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị Cẩm E đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hội là 16.800.000đ.

20. Trần Minh Đ; tham gia 01 phần tại dây hụi thứ 02, đã đóng hụi 19 lần với số tiền là 39.900.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi thứ 02, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền 04 lần x 2.100.000đ/lần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà anh Đ đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 31.500.000đ.

21. Nguyễn Thị D; tham gia tại dây hụi thứ 02, 07 đã đóng tổng cộng số tiền là 110.600.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền **25.200.000đ**, tại 02 dây hụi (dây thứ 02 là 16.800.000đ; dây thứ 07 là 8.400.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị D đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 85.400.000đ.

22. Lương Thị H; tham gia 01 phần tại dây hụi thứ 06, đã đóng hụi 08 lần với số tiền là 11.200.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi thứ 06, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền 02 lần x 1.400.000đ/lần = **2.800.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị H đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 8.400.000đ.

23. Nguyễn Thị Phương Th (3 Th); tham gia tại dây hụi thứ 02, 03, 04, 05, 06 đã đóng tổng cộng số tiền là 80.500.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền **15.400.000đ**, tại 03 dây hụi (dây thứ 02 là 8.400.000đ; dây thứ 04 là 4.200.000đ; dây thứ 06 là 2.800.000đ); còn nợ dân sự số tiền mà chị Th đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 65.100.000đ.

24. Phan Thị L; tham gia 01 phần tại dây hụi thứ 02, đã đóng hụi 19 lần với số tiền là 39.900.000đ; bị cáo đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong dây hụi thứ 02, rồi dùng thủ đoạn gian dối để hốt hụi chiếm đoạt số tiền 04 lần x 2.100.000đ/lần = **8.400.000đ**; còn nợ dân sự số tiền mà chị L đã tự nguyện giao nộp theo thỏa thuận khai hụi là 31.500.000đ.

Như vậy, bị cáo Đỗ Thị Bé H với thủ đoạn gian dối nêu trên, đã tự ý lấy tên hụi viên có thật trong các dây hụi (do bị cáo làm chủ hụi) mà không được sự đồng ý của hụi viên, để bỏ mức khai hụi cao hơn những hụi viên khác nhằm mục đích để được hốt hụi tại 05 dây hụi (do bị cáo làm chủ) chiếm đoạt tiền của 24 hụi viên (24 người bị hại) với tổng số tiền là **379.400.000đ** (Ba trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bị cáo Bé H còn thiếu tiền hụi do các hụi viên thỏa thuận giao nộp và tiền vay của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Kim L (tên sổ hụi 9 Q) số tiền 196.000.000đ;
2. Phan Hoài Vĩnh X, số tiền 67.400.000đ;
3. Nguyễn Thị M, số tiền 83.800.000đ;

4. Lê Thị Ph, số tiền 33.000.000đ;
5. Nguyễn Văn T (tên sổ hui T), số tiền 59.600.000đ;
6. Võ Thị Cẩm L, số tiền 250.000.000đ;
7. Ngân hàng S (S) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp tiền vay là 150.000.000đ.

Tổng cộng là: 839.800.000đ (Tám trăm ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Thị Bé H có dấu hiệu bệnh lý về tâm thần. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 207/2018/KLGĐTC và Công văn số: 207/PYTT cùng ngày 25/10/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ, kết luận:

- Về y học: Trước, trong khi phạm tội: Đang sự không bệnh lý tâm thần: Sau khi phạm tội và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần, rối loạn phân ly (F44.8 - ICD10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện tại đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

- Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội đang sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hiện tại đang sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng có bệnh lý tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* **Về vật chứng tạm giữ:** 01 (một) quyển sổ hui làm bằng tập sinh viên – Công ty Quyết Tâm (Bút lục số 447 - 454); đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị thu giữ lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

* **Về tài sản kê biên, khắc phục hậu quả:**

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Bình đã ra Lệnh kê biên tài sản số: 01 ngày 04/7/2018 kê biên tài sản của bị cáo Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B - tọa lạc tại xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp, gồm:

- Đất ở nông thôn thửa số 29, tờ bản đồ số 87, diện tích 395,1m². Trên đất có căn nhà chính (ngang 6,1m x dài 7,6m; khung gỗ thao lao, mái ngói, vách tol, sàn gỗ nhóm 3 trụ đá); nhà phụ (ngang 6,1m x dài 9,6m; khung gỗ thao lao, mái tol, vách ván, sàn gỗ trụ đá); nhà vệ sinh (ngang 1,8m x dài 1,6m; khung gạch, mái tol, vách tường).

- Thửa số 249, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.131,6m²;
- Thửa số 282, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.660,7m²;
- Thửa số 198, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.914,8m²;
- Thửa số 233, tờ bản đồ số 233, diện tích 1.352,6m²;
- Thửa số 203, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.914,3m²;
- Thửa số 206, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.886,7m²;
- Thửa số 229, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.187,7m²;

Tổng cộng diện tích là **14.443,5 m²** (395,1m² đất Thổ và 14.048,4m² đất Lúa).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 12 ngày 18/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Bình, kết luận tổng trị giá các tài sản trên là 1.118.368.000đ (Một tỷ một trăm mười tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hiện nay, phần đất lúa tổng diện tích 14.048,4m² (gồm 07 thửa đất nêu trên) ông B và bị cáo Bé H đang thế chấp tại Ngân hàng S (S) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp, vay số tiền vốn 250.000.000đ; đã trả vốn 100.000.000đ, hiện còn nợ số tiền vốn là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) chưa đến hạn tất toán hợp đồng nên Ngân hàng chưa có yêu cầu giải quyết.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, ông Nguyễn Văn B và các thành viên trong gia đình (02 người con tên Nguyễn Thị Hồng B và Nguyễn Văn Nh) thống nhất tự nguyện giao 04 thửa đất đang thế chấp Ngân hàng S gồm: Thửa số 233, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.352,6m²; Thửa số 249, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.131,6m²; Thửa số 206, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.886,7m²; Thửa số 229, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.187,7m². Tổng diện tích là 8.558,6m²; trị giá 470.723.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng) để khắc phục một phần hậu quả trong vụ án hình sự và một phần khắc phục trả tiền nợ dân sự của bị cáo Bé H và tiền vay Ngân hàng.

Ngày 19/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, đã ra Quyết định hủy bỏ một phần Lệnh kê biên tài sản số 01 ngày 04/7/2018, đối với toàn bộ phần đất lúa 14.048,4m² (gồm 07 thửa) đang thế chấp Ngân hàng S (S) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hiện nay chỉ còn kê biên phần tài sản gồm: Đất ở nông thôn thửa số 29, tờ bản đồ số 87, diện tích 395,1m². Trên đất có căn nhà chính (ngang 6,1m x dài 7,6m; khung gỗ thao lao, mái ngói, vách tol, sàn gỗ nhóm 3 trụ đá); nhà phụ (ngang 6,1m x dài 9,6m; khung gỗ thao lao, mái tol, vách ván, sàn gỗ trụ đá); nhà vệ sinh (ngang 1,8m x dài 1,6m; khung gạch, mái tol, vách tường); tổng trị giá 345.706.000đ để đảm bảo thi hành án đối với phần bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự cho 24 người bị hại.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, 24 hui viên là người bị hại trong vụ án yêu cầu bị cáo Bé H bồi thường số tiền 1.299.900.000đ; trong đó, phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự là 379.400.000đ và phần nợ dân sự do bị cáo thiếu là 920.500.000đ. Hiện ông B và các thành viên trong gia đình tự nguyện giao 04 thửa đất, trị giá 470.723.000đ để khắc phục một phần hậu quả gồm: Một phần để khắc phục hậu quả cho các bị hại trong vụ án hình sự; một phần trả cho Ngân hàng; một phần để thi hành các bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Thanh Bình truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; về tình tiết tăng nặng: phạm tội 02 lần trở lên, theo quy định tại điểm g Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên phạt bị cáo Bé H từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/5/2018 đến ngày 14/6/2018. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền chiếm đoạt là 345.800.000đ theo quy định. Về vật chứng: Đề nghị tiếp tục thu giữ kèm hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ hui (bút lục 447 – 454). Đối với tài sản kê biên: Đề nghị tiếp tục kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản số: 01, ngày 04/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình (có hủy bỏ một phần tài sản) để đảm bảo thi hành án theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Bé H là Luật sư Thái Quang Tr ý kiến: Thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, về việc truy tố bị cáo Bé H ra trước tòa là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định pháp luật; vì hiện nay bị cáo có bệnh lý về tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục được một phần hậu quả cho người bị hại; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chồng bị cáo ông Nguyễn Văn B hiện nay cũng bị bệnh tim nặng, hoàn cảnh gia đình kinh tế gặp nhiều khó khăn; do đó, đề nghị xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất bị cáo và ông Nguyễn Văn B liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định; thống nhất tiếp tục kê biên tài sản của bị cáo và ông B để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp cho bị cáo là ông Nguyễn Văn B (chồng bị cáo Đỗ Thị Bé H) đã thừa nhận hành vi lừa dối của bị cáo để hốt hui chiếm đoạt tiền của các hui viên là phạm tội theo quy định của pháp luật; đồng thời, tại các biên biên bản ghi lời khai đối với bị cáo Bé H trong thời gian điều tra khi bị cáo chưa bị bệnh hạn chế năng lực hành vi và hạn chế khả năng nhận thức, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Bé H là phù hợp với lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng

và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo Bé H đã trực tiếp tham gia chơi hội và làm chủ hội để hưởng hoa hồng; mức hưởng hoa hồng là 50% trên số tiền của từng dây hội đã mở (như dây hội 2.000.000đ/phần, thì bị cáo hưởng 1.000.000đ/phần khi hốt hội); do việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình bị mất cân đối, bị cáo mất khả năng chèo đò hội cho các hội viên. Để giữ uy tín và che đậy việc mất cân đối của mình, nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản (tiền) của các hội viên bằng cách: Khoảng đầu 2016 đến năm 2017 bị cáo Bé H liên tục mở ra nhiều dây hội mới, tự ý lấy tên hội viên có thật trong 05 dây hội rồi dùng thủ đoạn gian dối, để hốt hội chiếm đoạt tiền của hội viên. Do các hội viên không đến tham gia khui hội hoặc chỉ điện thoại, một số hội viên muốn nuôi hội để hốt hội chót nhằm thu lời cao, từ đó bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở này của hội viên để dùng thủ đoạn gian dối, bằng cách ghi số tiền bỏ hội cao hơn hội viên khác để được quyền hốt hội rồi chiếm đoạt tiền của các hội viên. Tổng cộng các hội viên đã đóng số tiền 1.299.900.000đ, với thủ đoạn trên bị cáo đã hốt hội chiếm đoạt của 24 người bị hại (24 hội viên) với tổng số tiền là 379.400.000đ (Ba trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Đỗ Thị Bé H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác, gây hoang mang dư luận và làm bức xúc trong quần chúng nhân dân, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm do mình gây ra.

Hành vi của bị cáo Bé H cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, nhằm răn đe giáo dục cho bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời, để phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Xét thấy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và thái độ của bị cáo nhằm giảm nhẹ phần nào hình phạt tù cho bị cáo.

Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị cáo Bé H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hiện nay bị cáo có bệnh lý về tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, hiện tình trạng sức khỏe của bị cáo suy yếu; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục được một phần hậu quả cho người bị hại; hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo đang gặp nhiều khó khăn do việc vỡ nợ, chồng bị cáo ông Nguyễn Văn B bị bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời, để thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay đối với người phạm tội, để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về đoàn tụ gia đình hòa nhập cộng đồng, cùng với ông Nguyễn Văn B liên đới thực hiện nghĩa trả nợ cho các đương sự; nên xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

Do bị cáo Bé H hiện nay đang vỡ nợ thiếu nợ nhiều người, kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, bản thân đang mang bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; nên Hội đồng xét xử, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vào ngày 25/4/2019 chồng bị cáo (ông Nguyễn Văn B) đã chủ động thỏa thuận với người bị hại để trừ cán phần nợ dân sự và khắc phục tiền bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự cụ thể như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị D thừa nhận đã khấu trừ xong phần tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án hình sự là 25.200.000đ; phần nợ dân sự 85.400.000đ đã khấu trừ tương ứng 57.200.000đ (vì bà D có tự nguyện giảm bớt một phần), hiện tại bị cáo chỉ còn nợ dân sự của bà là 28.200.000đ.

Ông Lương Văn M thừa nhận đã khấu trừ xong phần tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án hình sự là 8.400.000đ; phần nợ dân sự 22.400.000đ đã khấu trừ được 17.600.000đ, hiện tại bị cáo chỉ còn nợ dân sự của ông là 4.800.000đ.

Chị Võ Thị M phần nợ dân sự 4.200.000đ, thừa nhận đã khấu trừ được 500.000đ, hiện tại bị cáo chỉ còn nợ dân sự của chị M là 3.700.000đ.

Do đó, hiện nay phần tiền chiếm đoạt bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại trong vụ án hình sự còn lại như sau: $379.400.000đ - 33.600.000đ = 345.800.000đ$ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng). Phần nợ dân sự hiện nay bị cáo còn thiếu người bị hại như sau: $920.500.000đ - 75.300.000đ = 845.200.000đ$ (Tám trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bé H là ông Nguyễn Văn B (chồng bị cáo) thống nhất liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại với tổng số tiền là 345.800.000đ đúng theo yêu cầu của 22 người bị hại; đồng thời, 22 người bị hại cũng thống nhất ý kiến của ông B không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm trong vụ án hình sự; xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa người đại

diện hợp pháp của bị cáo và các đương sự phù hợp theo quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Tờ tường trình ngày 20/5/2019 ông Nguyễn Văn B trình bày, đã khấu trừ được tiền nợ hui cho bà Nguyễn Thị Kh 22.000.000đ; bà Mỹ D (tên đúng là Trần Thị Mai D) 10.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa bà Kh và bà Mai D đều không thừa nhận có việc khấu trừ nợ hui nêu trên, mà việc trừ căn hui giữa các bên là giao dịch trước khi bị cáo Bé H phạm tội, còn từ ngày bị cáo phạm tội bị khởi tố đến nay, thì gia đình bị cáo chưa có khấu trừ được tiền nợ hui mà bị cáo vẫn còn thiếu như nội dung cáo trạng; đồng thời, tại phiên tòa ông B cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc khấu trừ tiền hui nêu trên; do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày trên của ông Nguyễn Văn B là phù hợp theo quy định pháp luật.

Riêng đối với phần nợ dân sự hiện nay bị cáo Bé H đang thiếu 24 người bị hại tổng cộng là 845.200.000đ (Tám trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng), theo quy định pháp luật các đương sự có quyền khởi kiện đối với bị cáo Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B tại Tòa án Huyện thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật dân sự. Về phần nợ dân sự đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm (Nguyễn Thị Loan, Phan Hoài Vĩnh X, Võ Thị Cẩm L, Nguyễn Thị M, Lê Thị Ph và Nguyễn Văn T) đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình giải quyết bằng Quyết định, Bản án đã có hiệu lực pháp luật mà hiện nay bị cáo và ông B chưa thi hành xong, thì các đương sự tiếp tục yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3] Về tài sản kê biên, khắc phục hậu quả:

Hiện nay, tổng giá trị tài sản kê biên đối với bị cáo Bé H và ông B là 345.706.000đ, so với số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho 22 người bị hại trong vụ án hình sự là 345.800.000đ là tương ứng, và phù hợp theo quy định tại Điều 128 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, để đảm bảo việc thi hành án dân sự đối với số tiền thiệt hại mà bị cáo đã chiếm đoạt và phải bồi thường theo quy định pháp luật, nên giữ y Lệnh kê biên tài sản số: 01 ngày 04/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình trong đó (đã hủy bỏ một phần tài sản kê biên gồm 07 thửa đất Lúa); hiện tại chỉ kê biên đối với tài sản của bị cáo Bé H và ông Nguyễn Văn B - tại ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp gồm: Phần đất ở nông thôn thửa số 29, tờ bản đồ số 87, diện tích 395,1m²; trên đất có căn nhà chính (ngang 6,1m x dài 7,6m; khung gỗ thao lao, mái ngói, vách tol, sàn gỗ nhóm 3 trụ đá); nhà phụ (ngang 6,1m x dài 9,6m; khung gỗ thao lao, mái tol, vách ván, sàn gỗ trụ đá); nhà vệ sinh (ngang 1,8m x dài 1,6m; khung gạch, mái tol, vách tường) tổng giá trị là 345.706.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Đối với việc gia đình bị cáo có ý kiến giao 04 thửa đất đang thế chấp tại Ngân hàng S, để khắc phục hậu quả gồm: Một phần tiền thiệt hại chiếm đoạt trong vụ án hình sự; một phần trả tiền vay cho Ngân hàng (gốc) 150.000.000đ; một phần để trả nợ dân sự do bị cáo đang thiếu người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan. Xét thấy, 04 thửa đất nêu trên đang thế chấp hợp pháp tại Ngân hàng S để đảm bảo tiền vay theo hợp đồng thế chấp, về phía Ngân hàng đã có văn bản trình bày ý kiến do Hợp đồng tín dụng chưa đến thời hạn tất toán, nên Ngân hàng chưa có yêu cầu giải quyết. Đồng thời, theo quy định pháp luật thi hành án dân sự; thì gia đình bị cáo có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình kê biên đối với phần tài sản dôi dư đang thế chấp tại Ngân hàng, để thi hành đối với phần nợ dân sự đã có (Quyết định và bản án có hiệu lực thi hành) đối với phần nợ dân sự mà bị cáo đang thiếu. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của gia đình bị cáo, về việc yêu cầu kê biên 04 thửa đất đang thế chấp tại Ngân hàng S là phù hợp theo quy định.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục thu giữ lưu kèm theo hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ hội làm bằng tập sinh viên – Công ty Quyết Tâm (Bút lục số 447 - 454), đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử; hành vi và các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự, không có vi phạm gì bị khiếu nại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Đối với ý kiến của Luật sư, về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự là phù hợp; nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án; nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Bé H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, q, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Bé H 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho thời gian (bị cáo) bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2018 đến ngày 14/6/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục thu giữ lưu kèm theo hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ hụi làm bằng tập sinh viên – Công ty Quyết Tâm (Bút lục số 447 - 454), đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B liên đới bồi thường thiệt hại cho 22 người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, tổng cộng là 345.800.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng) cụ thể như sau:

3.1 Bà Huỳnh Thị Th, số tiền là 47.600.000đ (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng);

3.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, số tiền 36.400.000đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.3 Bà Nguyễn Thị S, số tiền là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.4 Bà Lê Thị Thúy L, số tiền là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng);

3.5 Bà Nguyễn Thị Kh, số tiền là 23.800.000đ (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng);

3.6 Bà Trần Thị Mai D, số tiền là 43.400.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.7 Bà Đinh Thị Th, số tiền 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng);

3.8 Ông Huỳnh Tấn Ngh, số tiền là 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng);

3.9 Bà Nguyễn Thị L, số tiền là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.10 Bà Nguyễn Thị B, số tiền là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.11 Bà Nguyễn Thị Bích Ph, số tiền là 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

3.12 Ông Nguyễn Nhựt T, số tiền là 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng);

3.13 Bà Phạm Thị D, số tiền là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.14 Bà Lê Thị H, số tiền là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng);

3.15 Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, số tiền là 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng);

3.16 Bà Lê Thị Thúy K, số tiền là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.17 Bà Võ Thị M, số tiền là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng);

3.18 Bà Đỗ Thị Cẩm E, số tiền là 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng);

3.19 Ông Trần Minh Đ, số tiền là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.20 Bà Lương Thị H, số tiền là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng);

3.21 Bà Nguyễn Thị Phương Th, số tiền là 15.400.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng);

3.22 Bà Phan Thị L, số tiền là 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày các đương sự (gồm có 22 người bị hại) có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B liên đới chưa thi hành xong số tiền trên; thì hàng tháng bị cáo Bé H và ông Nguyễn Văn B phải chịu lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành.

4. Về kê biên tài sản: Áp dụng Điều 128 của Bộ luật tố tụng hình sự; tiếp tục kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản số: 01 ngày 04/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình trong đó (đã hủy bỏ một phần tài sản kê biên gồm 07 thửa đất Lúa), hiện nay chỉ kê biên đối với tài sản của bị cáo Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B - tại ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp gồm: Phần đất ở nông thôn thửa số 29, tờ bản đồ số 87, diện tích 395,1m²; trên đất có căn nhà chính (ngang 6,1m x dài 7,6m; khung gỗ thao lao, mái ngói, vách tol, sàn gỗ nhóm 3 trụ đá); nhà phụ (ngang 6,1m x dài 9,6m; khung gỗ thao lao, mái tol, vách ván, sàn gỗ trụ đá); nhà vệ sinh (ngang 1,8m x dài 1,6m; khung gạch, mái tol, vách tường) tổng giá trị là 345.706.000đ (Ba trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng).

5. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Đỗ Thị Bé H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B liên đới chịu 17.290.000đ (Mười bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;

- VKSND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

Phạm Thành Triều